

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 31/5/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Trực.

Ông Lê Công Quyền

-Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Lương Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 27/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐXXST-HS ngày 14/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc A1 - Sinh năm 1985 tại huyện Nghiã Đàn, tỉnh Nghệ An.

Nơi Đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn Tân Thành, xã Cẩm Tân, huyện Cẩm T1, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn H1 và bà Bùi Thị L1; có chồng là Bùi Văn Đ1; chưa có con. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam ngày 18/12/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Hoàng Thị Ánh S1 (tên gọi khác là Trung Ngọc) - Sinh năm 1993 tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng T1.

Nơi Đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Khu phố 9, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng T1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: !0/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Đình T2 và bà Hoàng thị D; chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam ngày 18/12/2017 tại Trại tạm giam tại Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Hoàng Ngọc Nga, Luật sư thuộc VPLS Hoàng Ngọc, Đoàn Luật sư Thanh Hóa, bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc A1, có mặt.

Ông Lê Ngọc Tú, Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh Hoàng Gia, Đoàn Luật sư Thanh Hóa, bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Ánh S1, có mặt.

Người bị hại: Phạm Thị N1, sinh năm 1993, trú tại thôn Lau, xã Cẩm Tân, huyện Cẩm T1, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Ông Tạ Ngọc Vân, Luật sư thuộc VPLS Tạ Ngọc Vân, Đoàn Luật sư Thành Phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Ngọc A1 quê ở xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 2011 Ngọc A1 làm gái bán dâm tại một quán massage thuộc khu vực quận Đồ Sơn, TP.Hải Phòng. Tại đây, Ngọc A1 quen biết Phạm Thị N1 là nhân viên cùng làm tại quán. Tháng 6/2017, thông qua chị N1, Ngọc A1 quen biết và kết hôn với anh Bùi Văn Điện là người cùng quê với chị N1. Sau khi kết hôn, Ngọc A1 sinh sống cùng chồng tại thôn Tân Thành, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm T1.

Đến khoảng tháng 7/2017, Ngọc A1 cùng chồng vượt biên qua Trung Quốc làm nghề sản xuất gốm sứ tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trong thời gian lao động tại đây, Ngọc A1 quen và kết bạn qua mạng xã hội Zalo với Hoàng Thị Ánh S1 (tức Trung Ngọc) đang sống cùng người yêu tên Trần Hà Mộc mang quốc tịch Trung Quốc, là đối tượng hoạt động chứa mại dâm tại số 6, đường Thành Tây, thành phố Khâm Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Qua nhiều lần nhắn tin nói chuyện trên mạng xã hội Zalo, S1 biết Ngọc A1 trước đây đã từng làm gái bán dâm tại Việt Nam nên S1 rủ Ngọc A1 về làm gái bán dâm cho điểm chứa mại dâm của Mộc nhưng Ngọc A1 từ chối. Kể từ đó, Ngọc A1 biết S1 là đối tượng hoạt động chứa mại dâm tại Trung Quốc và biết S1 cần người để làm gái bán dâm. Ngày 16/11/2017, Ngọc A1 cùng chồng vượt biên về quê ở Việt Nam sinh sống.

Do Phạm Thị N1 có nhu cầu sang Trung Quốc để tìm việc làm, đồng thời chị N1 biết Đỗ Ngọc A1 mới đi làm ăn từ Trung Quốc về nên chị N1 nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho Ngọc A1 đề nhờ Ngọc A1 giới thiệu và tìm việc làm cho mình tại Trung Quốc. Lúc này, Ngọc A1 nghĩ đến việc sẽ lừa đưa chị N1 đi Trung Quốc bán cho Hoàng Thị Ánh S1 làm gái bán dâm nên nói dối sẽ giới thiệu chị N1 sang Trung Quốc làm nghề gốm sứ, chị N1 đồng ý để Ngọc A1 đưa sang Trung Quốc làm gốm sứ.

Ngày 24/11/2017, Ngọc A1 nhắn tin qua Zalo cho Hoàng Thị Ánh S1 đề giới thiệu và đưa chị N1 sang Trung Quốc làm gái bán dâm. Do cần gái mại dâm nên S1 đồng ý giao dịch tiếp nhận người và trả tiền. Để thỏa thuận giá cả với S1 khi giao người, Ngọc A1 nhắn tin Zalo hỏi S1: *“Bạn ơi, bây giờ đưa người sang, một người được bao nhiêu tiền đây”*, S1 trả lời Ngọc A1 là được 3000CNY/người (*Ba nghìn nhân dân tệ một người*) (tương đương khoảng 10.305.000VNĐ (*Mười triệu ba trăm linh năm nghìn đồng*)). S1 nói với Ngọc A1 sẽ trả trước 1000CNY (*Một nghìn nhân dân tệ*) cho Ngọc A1 khi giao nhận người, còn 2000CNY khi nào chị N1 làm ổn định được 15 đến 20 ngày thì sẽ thanh toán nốt. Ngọc A1 nhắn tin lại: *“3000CNY thì mình lấy một nửa trước còn 1500CNY thì nửa tháng sau mình lấy tiếp”*, S1 đồng ý đưa trước 1500CNY cho Ngọc A1 khi nhận người. Thỏa thuận xong, Ngọc A1 hẹn đến ngày 28/11/2017 sẽ đón xe khách đưa chị N1 từ Thanh Hóa đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho S1.

Khoảng 16h ngày 28/11/2017, Ngọc A1 nhờ chị Bạch Thị C1 và chị Quách Thị C2 là hàng xóm với Ngọc A1 ở thôn Tân Thành, xã Cẩm Tâm, mỗi người đi

01 xe máy chở Ngọc A1 và N1 ra đoạn đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Cẩm Châu, huyện Cẩm T1 để đón xe khách đưa N1 đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đến khoảng 05h ngày 29/11/2017, Ngọc A1 đưa chị N1 đến bến xe Móng Cái. Tại đây, Ngọc A1 nhắn tin thông báo cho S1 biết đã đưa người đến Móng Cái, S1 nhắn tin lại bảo Ngọc A1 thuê nhà nghỉ chờ S1 từ Trung Quốc sang. Sau đó, Ngọc A1 thuê phòng 204, nhà nghỉ Thiên Hương (đối diện bến xe Móng Cái) ở phường Ka Long, thành phố Móng Cái nghỉ để chờ S1.

Khoảng 11h30' cùng ngày, Hoàng Thị Ánh S1 nhập cảnh qua cửa khẩu Móng Cái rồi đến nhà nghỉ Thiên Hương gặp Ngọc A1 và chị N1. Tại Phòng 204, do không mang đủ tiền nên S1 chỉ đưa cho Ngọc A1 1000CNY (*Một nghìn nhân dân tệ*) ngay trước mặt chị N1. Lúc này, Ngọc A1 sợ chị N1 phát hiện việc bán chị N1 nên Ngọc A1 nói với chị N1: “*Đây là tiền nợ tao*”. Sau khi nhận số tiền 1000CNY từ S1, Ngọc A1 giao chị Ngọc cho S1 rồi ra về. Tại thành phố Móng Cái, Đỗ Ngọc A1 đã đổi số tiền 1000CNY nhận từ S1 được 3.300.000VNĐ (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*) rồi đón xe khách từ Quảng Ninh về Thanh Hóa.

Sau khi giao tiền và nhận người, S1 đưa chị N1 đến khu vực biên giới rồi thuê một người phụ nữ (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đưa chị N1 vượt biên giới sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch, còn S1 xuất cảnh sang Trung Quốc. Vào nội địa Trung Quốc, chị N1 được S1 và Mộc đón rồi bị đưa về điểm hoạt động mại dâm của Mộc ở thành phố Khâm Châu, tỉnh Quảng Tây. Tại đây, chị N1 bị yêu cầu làm gái bán dâm, do biết mình đã bị lừa bán nên chị N1 miễn cưỡng chấp nhận bán dâm.

Ngày 12/12/2017, chị N1 nhắn tin cho người yêu là anh Đinh Công Sơn, trú tại 255 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội biết việc bị Đỗ Ngọc A1 lừa bán sang Trung Quốc và nhờ anh Sơn giúp đỡ. Ngày 12/12/2017, anh Sơn đã viết đơn trình báo cơ quan Công an để giải cứu chị N1 và xử lý các đối tượng đã bán chị N1 sang Trung Quốc. Ngày 14/12/2017, Công an Trung Quốc triệt phá điểm hoạt động mại dâm, bắt giữ Trần Hà Mộc cùng Hoàng Thị Ánh S1, đồng thời giải cứu được chị N1.

Ngày 26/12/2017, Công an Trung Quốc đã bàn giao đối tượng Hoàng Thị Ánh S1 và nạn nhân Phạm Thị N1 cho Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, Công an thành phố Móng Cái bàn giao đối tượng và bị hại cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, có thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số IMEI:358554088350263/358554088350271, sử dụng sim 0968816691 và số tiền 3.300.000VNĐ của Đỗ Ngọc A1.

Gia đình Hoàng Thị Ánh S1 đã tự nguyện bồi thường cho chị N1 số tiền là 30.000.000 VNĐ (*Ba mươi triệu đồng*), chị N1 viết đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Hoàng Thị Ánh S1 và không có đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự.

Đối với Đỗ Ngọc A1, hiện nay chưa có hỗ trợ gì về mặt dân sự cho chị Phạm Thị N1, chị N1 đề nghị xử lý đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Trần Hà Mộc, hiện đang cư trú tại Trung Quốc, Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch và chưa đấu tranh làm rõ được vai trò của đối tượng Mộc trong vụ án này nên chưa có căn cứ xử lý. Hiện nay, Cơ

quan điều tra đang phối hợp với Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an tiến hành xác minh, thu thập tài liệu về mức độ liên quan của đối tượng Mộc, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 10/CTr-VKS-P2 ngày 26/4/2018 của VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Đỗ Ngọc A1, Hoàng Thị Ánh S1 về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đỗ Ngọc A1, Hoàng Thị Ánh S1 đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong cáo trạng .

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và cơ quan truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị N1 có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên những nội dung đã trình bày trong giai đoạn điều tra.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố của VKS đối với Đỗ Ngọc A1, Hoàng Thị Ánh S1 về hành vi trên và đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 119; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33, 41, 42 BLHS 1999 đối với 02 bị cáo và áp dụng thêm điểm b Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 đối với bị cáo Hoàng Thị Ánh S1; xử phạt Đỗ Ngọc A1 06-07 năm tù; Hoàng Thị Ánh S1 05-06 năm tù; buộc bị cáo Đỗ Ngọc A1 phải bồi thường cho chị N1 tiền chi phí tàu xe đi về 15-20 triệu đồng và xử lý tang vật, tài sản thu trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc A1 không tranh luận về tội danh, điều khoản mà VKS đã truy tố đối với bị cáo. Luật sư nhận thấy việc truy tố bị cáo A1 như cáo trạng của VKS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Theo Luật sư thì bị cáo A1 hoàn cảnh khó khăn nên không có điều kiện để bồi thường cho chị N1 và vụ án này Luật sư cho rằng không đặt ra việc bồi thường dân sự vì bị hại không bị xâm hại gì. Luật sư cũng đồng tình với quan điểm của VKS về việc áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại Điều 150 của BLHS 2015. Theo Luật sư thì bị cáo A1 đã thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức án VKS đề nghị tại phiên tòa, cho bị cáo được hưởng mức án ở đầu khung của điều luật quy định là phù hợp.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Ánh S1 đề nghị xem xét lại vai trò của bị cáo S1 trong vụ án. Theo Luật sư thì S1 là bị hại chứ không phải bị cáo. Người yêu của bị cáo là Trần Hà Mộc mới là người có vai trò chính của vụ án, còn S1 là vai trò thứ yếu. Luật sư cho rằng hình phạt mà VKS đề nghị đối với bị cáo S1 là quá nghiêm khắc. Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS 1999, cho bị cáo S1 được hưởng mức án dưới khung của điều luật quy định.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị hại đồng tình với tội danh, điều khoản và mức hình phạt mà VKS đã phát biểu. Theo Luật sư thì không có việc bị cáo A1 nói rõ cho chị N1 biết việc sang Trung Quốc làm gái mại dâm, mà bị cáo A1 đã nói dối chị N1 sang Trung Quốc làm nghề gốm sứ nên khi sang Trung Quốc, bị Hoàng Thị Ánh S1 đưa chị N1 vào hoạt động mại dâm thì chị N1 đã tìm

cách liên hệ với người yêu và Công an để giải cứu. Luật sư còn đề nghị HĐXX buộc các bị cáo bồi thường thêm cho chị N1 số tiền 20.000.000đ.

Trong phần đối đáp lại, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã phát biểu trước đó.

Lời nói sau cùng, các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm có điều kiện trở về đoàn tụ gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo và các bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, về quyết định của người tiến hành tố tụng và của Cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Có căn cứ để kết luận về hành vi khách quan của Đỗ Ngọc A1 và Hoàng Thị Ánh S1 được thực hiện như sau: Do có quen biết nhau tại Đồ Sơn, Hải Phòng trước đó từ năm 2011 nên vào khoảng tháng 11/2017, Phạm Thị N1 có nhờ Đỗ Ngọc A1 giới thiệu và tìm việc làm cho mình bên Trung Quốc. Lúc này, Ngọc A1 nghĩ đến việc sẽ lừa đưa chị N1 sang Trung Quốc bán cho Hoàng Thị Ánh S1 quê ở thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng T1, quen biết Ngọc A1 qua mạng Zalo, đang sinh sống tại trung Quốc, là đối tượng hoạt động chứa mại dâm tại số 6, Đường Thành Tây, thành phố Khâm Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Ngọc A1 nói dối sẽ giới thiệu chị N1 sang Trung Quốc làm nghề gồm sù. Chị N1 đồng ý để Ngọc A1 đưa sang Trung Quốc làm công việc gồm sù.

Khoảng 16h ngày 28/11/2017, Ngọc A1 cùng chị N1 đón xe khách từ Cẩm Châu, huyện Cẩm T1, Thanh Hóa đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đến khoảng 05h ngày 29/11/2017, Ngọc A1 đưa chị N1 đến bến xe Móng Cái. Tại đây, Ngọc A1 nhắn tin cho Hoàng Thị Ánh S1 biết đã đưa chị N1 đến Móng Cái. S1 nhắn tin lại bảo Ngọc A1 thuê nhà nghỉ chờ S1 từ Trung Quốc sang. Sau đó, Ngọc A1 thuê phòng 204, nhà nghỉ Thiên Hương (đối diện bến xe Móng Cái) ở phường Ka Long, thành phố Móng Cái nghỉ để chờ S1.

Khoảng 11h30' cùng ngày, Hoàng Thị Ánh S1 nhập cảnh qua cửa khẩu Móng Cái rồi đến nhà nghỉ Thiên Hương gặp Ngọc A1 và chị N1. Tại phòng 204, S1 đưa cho Ngọc A1 1000CNY (một nghìn nhân dân tệ). Sau khi nhận tiền của S1, Ngọc A1 giao chị N1 cho S1 rồi ra về. Tại thành phố Móng Cái, Đỗ Ngọc A1 đã đổi số tiền 1000CNY được 3.300.000VNĐ (ba triệu ba trăm nghìn đồng) rồi đón xe khách từ Quảng Ninh về Thanh Hóa.

Sau khi giao tiền và nhận người, S1 đưa chị N1 đến khu vực biên giới rồi thuê một người phụ nữ (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đưa chị N1 vượt biên giới, sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch, còn S1 xuất cảnh sang Trung Quốc. Vào nội địa Trung Quốc, chị N1 được S1 và Mộc đón rồi đưa về điểm hoạt động mại dâm của Mộc ở thành phố Khâm Châu, tỉnh Quảng Tây. Tại đây, chị N1 bị yêu cầu làm gái bán dâm, do biết mình đã bị lừa bán nên chị N1 miễn cưỡng chấp nhận bán dâm. Sau một thời gian, chị N1 đã tìm cách liên hệ với người yêu và công an Việt nam để giải cứu.

[3] Ý thức chủ quan và động cơ, mục đích của các bị cáo là mua bán chị N1 để làm gái bán dâm, hưởng lợi, không chính đáng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong đó Hoàng Thị Ánh S1 là đồng phạm với Ngọc A1 về hành vi mua bán người.

[4] Xét tính chất vụ án: Vì động cơ trục lợi cá nhân, Đỗ Ngọc A1 và Hoàng Thị Ánh S1 đã bàn bạc, cấu kết với nhau lừa bán chị Phạm Thị N1 sang Trung Quốc để lấy tiền chi tiêu cá nhân và phục vụ cho hoạt động mại dâm. Hành vi lừa bán người khác ra nước ngoài của các bị cáo là rất nghiêm trọng, coi con người như một thứ hàng hóa, gây mất trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật hình sự bảo vệ. Do vậy cần phải được xử lý nghiêm minh để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12, 13 BLHS 1999.

[6] Hành vi nêu trên của các bị cáo Đỗ Ngọc A1, Hoàng Thị Ánh S1 phạm tội “Mua bán người” theo điểm đ Khoản 2 Điều 119 BLHS 1999 như cáo trạng của VKS đã truy tố là có căn cứ.

[7] Xét vai trò các bị cáo: Trong vụ án này Đỗ Ngọc A1 biết rõ Hoàng Thị Ánh S1 là đối tượng hoạt động mại dâm tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc nên khi chị N1 nhờ Ngọc A1 tìm việc làm bên Trung Quốc thì Ngọc A1 đã tìm cách lừa dối chị N1, nói sang Trung Quốc làm nghề gồm sứ và móc nối với Hoàng Thị Ánh S1 để bán chị N1 sang Trung Quốc làm gái mại dâm. Ngọc A1 là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, chủ động đưa chị N1 lên biên giới giao và bán cho Hoàng Thị Ánh S1 lấy số tiền số tiền 1000 CNY tương đương 3.300.000 VNĐ, vì vậy Ngọc A1 có vai trò chính trong vụ án.

Đối với Hoàng Thị Ánh S1 là đối tượng hoạt động chứa mại dâm tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc đã đồng phạm với Đỗ Ngọc A1 về hành vi mua bán người, có vai trò sau Đỗ Ngọc A1.

Luật sư cho rằng người yêu của bị cáo S1 là Trần Hà Mộc mới là người có vai trò chính trong vụ án, còn S1 có vai trò thứ yếu và là người bị hại trong vụ án, HĐXX thấy lời bào chữa của Luật sư là không có căn cứ.

[8] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Đối với Hoàng Thị Ánh S1, thông qua Luật sư, đã có tác động về cho gia đình tự nguyện bồi thường cho chị N1 số tiền 30.000.000 VNĐ. Chị N1 có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S1 nên bị cáo S1 được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Do bị cáo S1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Khoản 1 Điều 46 vì vậy có thể cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung của điều luật theo quy định tại Điều 47 BLHS 1999.

[9] Hành vi phạm tội của các bị cáo ở thời điểm trước 0 giờ ngày 01/01/2018 nên HĐXX vẫn áp dụng các quy định của BLHS 1999 theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14. Tuy nhiên khi áp dụng các quy định của pháp luật để lượng hình đối với các bị cáo thì cũng cần phải căn cứ

vào quy định tại Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Mua bán người” đã bỏ tình tiết định khung tăng nặng “Vì mục đích mại dâm”. Do vậy HĐXX áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Vì mục đích mại dâm” như VKS đã đề nghị là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị N1 đã nhận tiền bồi thường danh dự nhân phẩm 30.000.000 VNĐ của gia đình Hoàng Thị Ánh S1 và không đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

Hành vi mua bán người của các bị cáo đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm con người nên chị N1 đã nhận tiền bồi thường của gia đình bị cáo Hoàng Thị Ánh S1 là đúng pháp luật theo quy định tại Điều 592 BLDS 2015. Việc Luật sư cho rằng không đặt ra trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án này, HĐXX thấy lời bào chữa của Luật sư là không đúng.

Kiểm sát viên đề nghị HĐXX buộc bị cáo Đỗ Ngọc A1 phải bồi thường cho chị N1 tiền chi phí tàu xe đi về 15-20 triệu và Luật sư bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 20.000.000đ, HĐXX thấy không có căn cứ vì chị N1 không có tài liệu kê khai, báo cáo các khoản thiệt hại và yêu cầu của mình trong quá trình điều tra. Mặt khác chị N1 đã nhận 30.0000.0000đ của gia đình Hoàng Thị Ánh S1 và không yêu cầu bồi thường thêm bất kỳ một khoản nào nữa.

[11] Về tang vật trong vụ án: Có thu giữ của Ngọc A1 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, là phương tiện bị cáo dùng liên lạc, sử dụng vào việc phạm và số tiền 3.300.000VNĐ bị cáo A1 hưởng lợi không chính đáng, tịch thu sung quỹ nhà nước.

[12] Các bị cáo không thuộc đối tượng được miễn nộp hoặc không phải nộp tiền án phí nên phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Đỗ Ngọc A1, Hoàng Thị Ánh S1 phạm tội “Mua bán người”

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 119; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, 33, và 53 BLHS 1999; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Đỗ Ngọc A1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2017.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 119; điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 47 và 53 BLHS 1999; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Hoàng Thị Ánh S1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2017.

Công nhận bị cáo Hoàng Thị Ánh S1 đã tự nguyện bồi thường cho chị Phạm Thị N1 số tiền 30.000.000đ. Chị N1 đã nhận đủ, việc bồi thường đã thực hiện xong.

Áp dụng Điều 41, 42 BLHS 1999: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng và số tiền 3.300.000VNĐ của Đỗ Ngọc A1 thu trong vụ án.

(Số tang vật và tài sản trên hiện đang lưu giữ tại Cơ quan thi hành án theo biên bản giao nhận vật chứng số TV/2018/55 ngày 03/5/2018 của Cục THADS tỉnh Thanh Hóa; số tiền tại Giấy nộp tiền vào ngân nhà nước số CT 0002685 Ngân hàng/ Kho bạc nhà nước ngày 03/5/2018).

Đỗ Ngọc A1, Hoàng Thị Ánh S1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bản án hình sự này là sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Phạm Thị N1 vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sao của Tòa án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Thi hành án tỉnh Thanh Hoá;
- bị cáo, bị hại, đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu toà hình sự.

Dương Xuân Tuấn